

Số: **43** /2017/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 29 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin cơ sở  
tại thành phố Hải Phòng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Tàn số Vô tuyến điện ngày 04 tháng 12 năm 2009;*

*Căn cứ Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 66/TTr-STTTT ngày 24/11/2017; Báo cáo thẩm định số 67/BCTĐ-STP ngày 17/11/2017 của Sở Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hoạt động thông tin cơ sở tại thành phố Hải Phòng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin & Truyền thông;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn Đại biểu QH thành phố;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH HP, Báo HP, Báo ANHP;
- Công TTĐT TP, Công báo TP;
- CPVP;
- Các CV UB;
- Lưu: VT. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tùng**

**QUY CHẾ**

**Quản lý hoạt động thông tin cơ sở tại thành phố Hải Phòng**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về hoạt động thông tin cơ sở, trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động thông tin cơ sở của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và thực hiện hoạt động thông tin cơ sở trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và thực hiện các hoạt động thông tin cơ sở trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**Điều 2. Nội dung hoạt động thông tin cơ sở**

Nội dung hoạt động thông tin cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 3 Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở.

**Điều 3. Nguyên tắc hoạt động thông tin cơ sở**

1. Tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phù hợp với phong tục tập quán lành mạnh của địa phương.
2. Bảo đảm thông tin thiết yếu phải kịp thời, chính xác đến với người dân, chú trọng người dân ở các vùng nông thôn, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.
3. Kinh phí thực hiện hoạt động thông tin cơ sở từ nguồn ngân sách được dự toán kế hoạch và bố trí hàng năm trong chi thường xuyên của các đơn vị; huy động từ các tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác.

**Chương II  
HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN CƠ SỞ**

**Điều 4. Các hình thức hoạt động thông tin cơ sở**

1. Phát thanh, truyền thanh cơ sở.
2. Bản tin thông tin cơ sở.
3. Tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở.

4. Thông tin trực tiếp qua báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở.
5. Bảng tin công cộng.
6. Các hình thức thông tin cơ sở khác như: Tổ chức các cuộc thi tuyên truyền, các buổi sinh hoạt cộng đồng tại khu dân cư.

**Điều 5. Hoạt động phát thanh, truyền thanh của Đài Truyền thanh cấp xã**

1. Xây dựng và phát sóng các chương trình phát thanh trên hệ thống truyền dẫn, phát sóng phát thanh của Đài Truyền thanh cấp xã, tập trung thông tin về hoạt động chỉ đạo, điều hành của chính quyền cấp xã; cung cấp thông tin, kiến thức thiết yếu đối với đời sống hằng ngày của người dân địa phương phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan trực tiếp đến người dân ở địa phương; những quy định của chính quyền xã và hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội ở địa phương, cơ sở.

2. Phối hợp với Đài Truyền thanh cấp huyện sản xuất các chương trình phát thanh để phát sóng trên hệ thống truyền dẫn, phát sóng phát thanh của Đài Truyền thanh cấp huyện.

3. Việc xây dựng và phát sóng các chương trình phát thanh của Đài Truyền thanh cấp xã phải tuân thủ theo các quy định tại Luật Báo chí năm 2016, Điều 13 Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT ngày 23/3/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện; Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện.

4. Tùy theo điều kiện thực tế, Đài Truyền thanh cấp xã thực hiện việc tiếp sóng, phát lại chương trình thời sự và các chương trình phát thanh khác của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, Đài Truyền thanh cấp huyện để phục vụ nhu cầu tiếp nhận thông tin của nhân dân địa phương trên hệ thống truyền dẫn, phát sóng phát thanh của Đài Truyền thanh cấp xã.

5. Phát sóng các chương trình phát thanh phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin, tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và địa phương theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trên hệ thống truyền dẫn, phát sóng phát thanh của Đài Truyền thanh cấp xã.

6. Nguồn kinh phí chi cho hoạt động thường xuyên và duy tu sửa chữa Đài Truyền thanh cấp xã do ngân sách cấp xã đảm bảo. Trường hợp kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm vượt quá khả năng của địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán kinh phí trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt.

7. Quản lý, đầu tư, mua sắm, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị kỹ thuật chuyên ngành để thực hiện việc phát sóng, tiếp sóng, phát lại các chương trình phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, Đài Truyền thanh cấp huyện theo quy định của Luật Tần số vô tuyến điện, phù hợp với quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia, quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình, các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

8. Các Đài Truyền thanh cấp xã phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành mới được đưa vào hoạt động. Các Đài Truyền thanh cấp xã đang hoạt động nhưng chưa đáp ứng về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành phải sửa chữa, khắc phục, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

9. Quy định về hoạt động của Đài Truyền thanh cấp xã thực hiện theo quy định về hoạt động của Đài Truyền thanh cấp xã tại Điều 8 Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở.

#### **Điều 6. Xuất bản bản tin thông tin cơ sở**

1. Việc xuất bản bản tin thông tin cơ sở để cung cấp các thông tin thiết yếu theo quy định tại Điều 2 Quy chế này tuân theo các quy định tại Điều 34 Luật Báo chí năm 2016 và Điều 12, Điều 13 Thông tư số 48/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, mở chuyên trang của báo điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

2. Việc xuất bản bản tin thông tin cơ sở điện tử (trang thông tin điện tử) để cung cấp các thông tin thiết yếu theo quy định tại Điều 2 Quy chế này tuân theo các quy định tại Điều 36 Luật Báo chí; Điều 12, Điều 13 Thông tư số 48/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, mở chuyên trang của báo điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san; Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông



tin điện tử của cơ quan nhà nước và Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng.

**Điều 7. Xuất bản tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở**

Việc xuất bản tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở để cung cấp các thông tin thiết yếu theo quy định tại Điều 2 Quy chế này, thực hiện theo các quy định tại Điều 25, Điều 27 Luật Xuất bản năm 2012; Điều 12 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

**Điều 8. Thông tin trực tiếp qua báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở**

1. Tiêu chuẩn báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở do các cơ quan có thẩm quyền công nhận quy định cụ thể phù hợp yêu cầu nhiệm vụ thông tin tuyên truyền của cơ quan đó và đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 12 Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở.

2. Quy định về quyền và nghĩa vụ của báo cáo viên, tuyên truyền viên thông tin cơ sở theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở.

3. Nội dung thông tin báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở cung cấp là những thông tin về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những sự kiện quốc tế, trong nước liên quan trực tiếp đến người dân ở địa phương, cơ sở; những quy định của chính quyền địa phương và các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội ở địa phương, cơ sở; các kiến thức thiết yếu đối với đời sống hàng ngày của người dân địa phương; tuyên truyền việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương; cung cấp thông tin, kiến thức về khoa học kỹ thuật, công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống đến với người dân; thông tin kịp thời tình hình thời sự, chính trị, những chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền cơ sở; hướng dẫn thực hiện các hoạt động chỉ đạo, điều hành của chính quyền, lãnh đạo cơ quan, đơn vị cơ sở; tiếp nhận thông tin từ người dân để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền, lãnh đạo cơ quan, đơn vị cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị quản lý báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở.

4. Hoạt động và nội dung thông tin do báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở cung cấp không vi phạm các quy định của pháp luật.

5. Hình thức, quy mô, thời gian, địa điểm thực hiện công tác tuyên truyền miệng đến người dân phải bảo đảm hiệu quả thông tin, phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Các cơ quan, đơn vị quản lý báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở có trách nhiệm bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện cần thiết, thù lao, chế độ cho công tác tuyên truyền miệng theo quy định của pháp luật.

### **Điều 9. Thông tin qua Bảng tin công cộng**

1. Các cơ quan, tổ chức bao gồm các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ dân phố, khu dân cư, trường học, bệnh viện có nhu cầu xây dựng bảng tin công cộng phải thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và tuân thủ các quy định về bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa; hành lang an toàn giao thông, đê điều, lưới điện quốc gia, không được che khuất đèn tín hiệu giao thông, bảng chỉ dẫn công cộng; không được chằng ngang đường giao thông làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông; không ảnh hưởng đến kiến trúc, cảnh quan và phải tuân theo quy hoạch của địa phương và quy chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành; không dùng âm thanh để truyền tải thông tin trong bảng tin thông tin cơ sở điện tử công cộng.

2. Nội dung thông tin trên bảng tin công cộng thông báo chính sách, pháp luật của nhà nước, những sự kiện quốc tế, trong nước liên quan trực tiếp đến người dân ở địa phương, cơ sở; những quy định của chính quyền địa phương, cơ sở và các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội ở địa phương, cơ sở; các hoạt động chỉ đạo, điều hành của chính quyền, lãnh đạo cơ quan, đơn vị cơ sở; các thông tin thiết yếu đối với đời sống hàng ngày của người dân phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị lập bảng tin công cộng. Nội dung thông tin và hình thức trình bày của bảng tin công cộng không vi phạm các quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức lập bảng tin công cộng chịu trách nhiệm về nội dung thông tin trên bảng tin công cộng do mình lập ra.

4. Đối tượng được phép lập bảng tin công cộng có thể phối hợp với các doanh nghiệp để đầu tư xây dựng, vận hành bảng tin công cộng và được dành tỷ lệ phù hợp theo quy định của pháp luật trên bảng tin công cộng để thực hiện các nội dung quảng cáo. Việc quảng cáo trên bảng tin công cộng phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về quảng cáo.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt bảng tin công cộng có trách nhiệm quản lý việc lập bảng tin công cộng và nội dung thông tin trên bảng tin công cộng theo các quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Các hình thức thông tin cơ sở khác**

1. Tùy theo điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng các hình thức thông tin cơ sở khác để thực hiện việc cung cấp các thông tin thiết yếu theo quy định tại Điều 2 Quy chế này đến người dân ở địa phương.

2. Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể huy động tài sản, cơ sở vật chất của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phục vụ cho hoạt động thông tin cơ sở trên cơ sở thỏa thuận; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người dân và lợi ích của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

3. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc cung cấp thông tin thiết yếu đến đông đảo người dân ở địa phương.

### **Chương III**

## **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THÔNG TIN CƠ SỞ**

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thông tin cơ sở tại thành phố, có trách nhiệm:

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển thông tin cơ sở của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và theo quy định của pháp luật;

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng, tổ chức thực hiện, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, các quy chế, quy định về thông tin cơ sở; phổ biến, giáo dục pháp luật về thông tin cơ sở tại thành phố;

3. Tổ chức cung cấp thông tin, quản lý nội dung thông tin của hệ thống thông tin cơ sở tại thành phố;

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động thông tin cơ sở;

5. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nhân lực trong hoạt động thông tin cơ sở;

6. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê của hệ thống thông tin cơ sở; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố các báo cáo về hoạt động thông tin cơ sở;

7. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động thông tin cơ sở;

8. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động thông tin cơ sở theo thẩm quyền.

### **Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành**

Các sở, ban, ngành liên quan phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện quản lý nhà nước về thông tin cơ sở, có trách nhiệm:

1. Tổ chức cung cấp thông tin, quản lý nội dung thông tin và hoạt động thông tin cơ sở chuyên ngành;

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện cung cấp thông tin chuyên ngành kịp thời cho địa phương;

3. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê của hệ thống thông tin cơ sở trực thuộc theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông; định kỳ hoặc đột xuất cung cấp thông tin, báo cáo, thống kê cho Sở Thông tin và Truyền thông để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan quản lý nhà nước về thông tin cơ sở của địa phương, có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển thông tin cơ sở của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân thành phố;

2. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về thông tin cơ sở; phổ biến, giáo dục pháp luật về thông tin cơ sở của địa phương;

3. Tổ chức cung cấp thông tin, quản lý nội dung thông tin của hệ thống thông tin cơ sở của địa phương;



4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê của hệ thống thông tin cơ sở của địa phương theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông; định kỳ hoặc đột xuất cung cấp thông tin, báo cáo, thống kê cho Sở Thông tin và Truyền thông để phục vụ công tác quản lý nhà nước;

5. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động thông tin cơ sở theo thẩm quyền.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển thông tin cơ sở của địa phương theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

2. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về thông tin cơ sở; phổ biến, giáo dục pháp luật về thông tin cơ sở của địa phương;

3. Tổ chức cung cấp thông tin, quản lý nội dung thông tin của hệ thống thông tin cơ sở tại địa phương;

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê của hệ thống thông tin cơ sở của địa phương theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện; định kỳ hoặc đột xuất cung cấp thông tin, báo cáo, thống kê cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

5. Ban hành Kế hoạch hoạt động của Đài Truyền thanh cấp xã; đầu tư, nâng cấp, bố trí kinh phí cho Đài Truyền thanh cấp xã hoạt động.

### **Chương IV**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nội dung của Quy định này; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố các biện pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở trên địa bàn thành phố.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã và các tổ chức thực hiện hoạt động thông tin cơ sở có trách nhiệm bảo đảm kinh phí xây dựng cơ sở vật chất và duy trì hoạt động thông tin cơ sở từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính cân đối các nguồn lực cho đầu tư phát triển, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố bố trí kinh phí triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển hoạt động thông tin cơ sở.

**Điều 16. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng